

Số: 2594 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung danh mục tuyến đường, phố
có chỉ giới đường đỏ ổn định trên địa bàn quận Hai Bà Trưng**

Địa điểm: quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 38/2023/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND Thành phố ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và kiến trúc trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 228/QĐ-UB ngày 18/01/1997 của UBND Thành phố phê duyệt Danh mục Đợt I các tuyến phố có chỉ giới ổn định trong nội thành Hà Nội;

Căn cứ Quy hoạch chi tiết quận Hai Bà Trưng, tỷ lệ 1/2000 (phần Quy hoạch sử dụng đất và giao thông) đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 16/2000/QĐ-UB ngày 14/2/2000;

Căn cứ Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND Thành phố phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu đô thị H1-1C, tỷ lệ 1/2000;

Căn cứ Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND Thành phố phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu đô thị H1-4, tỷ lệ 1/2000;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội tại Tờ trình số 1937 /TTr-QHKT-HTKT ngày 09/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh mục gồm 40 tuyến đường, phố có chỉ giới đường đỏ ổn định trên địa bàn quận Hai Bà Trưng theo biểu thống kê chi tiết đính kèm.

- Các tuyến đường, phố nằm trong Danh mục Đợt I các tuyến phố có chỉ giới ổn định trong nội thành Hà Nội đã được UBND Thành phố phê duyệt tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 228/QĐ-UB ngày 18/01/1997 của UBND Thành phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Chỉ giới đường đỏ các tuyến đường, phố được phê duyệt tại Điều 1 là cơ sở pháp lý để quản lý về quy hoạch, đất đai, xây dựng theo quy hoạch trên các tuyến đường này.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình quản lý sử dụng đất, xây dựng công trình dọc theo các tuyến đường phải tuân thủ chỉ giới đường đỏ ổn định đã được duyệt và các quy định liên quan của pháp luật hiện hành.

- UBND quận Hai Bà Trưng công bố công khai danh mục các tuyến đường, phố có chỉ giới đường đỏ ổn định được phê duyệt tại Quyết định này để các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có liên quan được biết, thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành: Quy hoạch - Kiến trúc, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính; Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội; Chủ tịch UBND quận Hai Bà Trưng; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND TP (để b/c);
- Các PCT UBND TP;
- VP UBNDTP: CVP, các PCVP, các phòng TH, ĐT;
- Lưu VT, ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Đức Tuấn

DANH MỤC BỔ SUNG CÁC TUYẾN ĐƯỜNG, PHỐ CÓ CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỔ ỔN ĐỊNH

Địa điểm: Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 100/UBND ngày / /2024 của UBND thành phố Hà Nội)

TT	Tên đường, phố	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Mặt cắt ngang đường (m)	Chiều rộng Lòng đường (m)	Chiều rộng hè phải (m)	Chiều rộng hè trái (m)	Cấp đường theo QHPK	Ghi chú
1	Bùi Thị Xuân	Nguyễn Du	Đoàn Trần Nghiệp	885	12	8	2	2	Nội bộ	
2	Cao Đạt	Lê Đại Hành	Đại Cồ Việt	100	14	8	3	3	Nội bộ	
3	Đỗ Hành	Yết Kiêu	Lê Duẩn	95	14	8	3	3	Nội bộ	
4	Đỗ Ngọc Du	Nguyễn Công Trứ	Đồng Nhân	70	16	10	3	3	Nội bộ	
		Đồng Nhân	Hương Viên	60	14	10		2	Nội bộ	Đối với phía Tây tuyến phố
5	Đoàn Trần Nghiệp	Phố Huế	Lê Đại Hành	350	16	8	4	4	Khu vực	
6	Đội Cung	Bà Triệu	đến số nhà 8 (bên hè phải) và nhà số 11 (bên hè trái)	65	16	8	4	4	Nội bộ	
7	Đồng Nhân	Đỗ Ngọc Du	đến số nhà 26 (hè phải) và nhà số 51 (hè trái)	150	12	8	2	2	Nội bộ	
8	Hàng Chuối	Hàn Thuyên	Nguyễn Công Trứ	488	16	8	4	4	Nội bộ	
9	Hồ Xuân Hương	Ngã 5 Nguyễn Du	Quang Trung	180	16	8	4	4	Nội bộ	

TT	Tên đường, phố	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Mặt cắt ngang đường (m)	Chiều rộng Lòng đường (m)	Chiều rộng hè phải (m)	Chiều rộng hè trái (m)	Cấp đường theo QHPK	Ghi chú
10	Hoa Lư	Lê Đại Hành	Đại Cồ Việt	370	16,5	10,5	3	3	Nội bộ	
11	Hòa Mã	Lò Đúc	Phố Huế	510	20	10	5	5	Khu vực	
12	Lê Ngọc Hân	Trần Xuân Soạn	Hòa Mã	165	14	8	3	3	Nội bộ	
13	Lê Quý Đôn	Trần Khánh Dư	Nguyễn Huy Tự	300	12	8	2	2	Nội bộ	
14	Lò Đúc	Hàn Thuyên	Trần Khát Chân	1220	18-20	10-11	4-5	4-5	Khu vực	
15	Mai Hắc Đế	Trần Nhân Tông	Lê Đại Hành	845	12	8	2	2	Nội bộ	
16	Ngõ Bà Triệu	Tô Hiến Thành	Bà Triệu	150	10	6	2	2	Nội bộ	
17	Ngõ Huế	Ngô Thị Nhậm	Phố Huế	145	8	7	0,5	0,5	Nội bộ	
18	Nguyễn Bình Khiêm	Hồ Xuân Hương	Tô Hiến Hành	540	14	8	3	3	Nội bộ	
19	Nguyễn Cao	Nguyễn Huy Tự	Lò Đúc	445	14	8	3	3	Nội bộ	
20	Nguyễn Công Trứ	Phố Huế	Trần Thánh Tông	820	17-20	9-10	4-5	4-5	Khu vực	
21	Nguyễn Đình Chiểu	Nguyễn Du	Tô Hiến Thành	510		7	4,5		Khu vực	Đối với phía Đông tuyến phố
22	Nguyễn Quyền	Trần Bình Trọng	Lê Duẩn	245	16	10	3	3	Nội bộ	
23	Phạm Đình Hổ	Tăng Bạt Hổ	Lò Đúc	230	16	8	4	4	Khu vực	
24	Phố Huế	Lê Văn Hưu	Đại Cồ Việt	1140	23-26	13-15	5-6	5-6	Đô thị	

TT	Tên đường, phố	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Mặt cắt ngang đường (m)	Chiều rộng Lòng đường (m)	Chiều rộng hè phải (m)	Chiều rộng hè trái (m)	Cấp đường theo QHPK	Ghi chú
25	Phù Đổng Thiên Vương	Trần Xuân Soạn	Hòa Mã	165	12	6	2	2	Nội bộ	
26	Phùng Khắc Khoan	Trần Xuân Soạn	Hòa Mã	165	12	6	3	3	Nội bộ	
27	Tăng Bạt Hổ	Hàn Thuyên - Trần Hưng Đạo	Yec Xanh	605	14	6	4	4	Nội bộ	
28	Thái Phiên	Phố Huế	Lê Đại Hành	250	20	10	5	5	Khu vực	
29	Thế Giao	Tuệ Tĩnh	Lê Đại Hành	220	16	8	4	4	Nội bộ	
30	Thi Sách	Lê Văn Hưu	Hòa Mã	450	20	10	5	5	Khu vực	
31	Thiền Quang	Trần Bình Trọng	Yết Kiêu	170	12	8	2	2	Nội bộ	
32	Thịnh Yên	Chùa Vua	Phố Huế	250	20	10	5	5	Khu vực	
33	Tô Hiến Thành	Phố Huế	Nguyễn Đình Chiểu	540	18	10	4	4	Khu vực	
34	Trần Nhân Tông	Phố Huế	Nguyễn Bình Khiêm	305	19	10	4,5	4-5	Khu vực	
		Nguyễn Bình Khiêm	Nguyễn Đình Chiểu	55	33	23	4,5	5	Khu vực	
		Nguyễn Đình Chiểu	nhà số 70 (hè phải)	570		14-37	4,5		Khu vực	Đối với phía Bắc tuyến phố
35	Triệu Việt Vương	Nguyễn Du	Đoàn Trần Nghiệp	740	16	8	4	4	Nội bộ	

TT	Tên đường, phố	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (m)	Mặt cắt ngang đường (m)	Chiều rộng Lòng đường (m)	Chiều rộng hè phải (m)	Chiều rộng hè trái (m)	Cấp đường theo QHPK	Ghi chú
36	Tuệ Tĩnh	Phố Huế	Thê Giao	330	20	10	5	5	Khu vực	
37	Vũ Hữu Lợi	Yết Kiêu	Lê Duẩn	80	16	10	3	3	Nội bộ	
38	Yec Xanh	Lò Đúc	Nguyễn Huy Tự	190	15	7	4	4	Khu vực	
39	Yên Bái	Nguyễn Công Trứ	đến số nhà 54B Yên Bái	180	16	10	3	3	Nội bộ	
40	Yết Kiêu	Nguyễn Thượng Hiền	Trần Hưng Đạo	150	20	10	5	5	Khu vực	Bổ sung đoạn tuyến từ phố Nguyễn Du đến phố Trần Hưng Đạo vào Quyết định số 2288/QĐ-UBND ngày 02/5/2024 của UBND Thành phố

Ghi chú:

- Đối với các thửa đất nằm tại khu vực nút giao giữa các tuyến đường có chỉ giới đường đỏ ổn định, khi cải tạo, xây dựng lại công trình cần đảm bảo khoảng lùi, tuân thủ chỉ giới đường đỏ góc vát tại ngã giao nhau theo quy định để đảm bảo tầm nhìn an toàn giao thông tại nút giao.
- Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh các trường hợp đặc biệt (công trình, thửa đất vượt quá chỉ giới đường đỏ ổn định chung của tuyến phố), chính quyền địa phương cần rà soát cụ thể từng trường hợp, phối hợp với các sở, ngành Quy hoạch – Kiến trúc, Giao thông vận tải, Xây dựng và các đơn vị có liên quan thống nhất phương án xử lý, đảm bảo quy mô mặt cắt ngang đường phù hợp theo quy hoạch được duyệt.